

Khái niệm phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học

Trình Tiến Việt*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 05 tháng 8 năm 2008

Tóm tắt. Trên cơ sở nghiên cứu khái niệm tội phạm, khái niệm tội phạm học trong khoa học, tác giả đã xây dựng khái niệm phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học. Ngoài ra, cũng để chứng minh rằng, phòng ngừa tội phạm là một bộ phận cấu thành cơ bản của lý luận tội phạm học.

1. Đặt vấn đề

Từ trước đến nay, đấu tranh chống tội phạm được tiến hành theo phương châm: *nhANH chóng và kịp thời phát hiện tội phạm, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội, trừng trị và giáo dục, cải tạo người phạm tội, hình thành thói quen phản ứng tích cực và hưởng ứng của Nhà nước và xã hội đối với tội phạm.* Do đó, phòng ngừa tội phạm chính là một trong những nội dung quan trọng và chiếm một vị trí đặc biệt của lý luận về tội phạm học. Nghiên cứu về phòng ngừa tội phạm chính là nghiên cứu cơ sở, nền tảng và điểm xuất phát để tiếp tục nghiên cứu những nội dung khác trong lý luận tội phạm học. Cho nên, *phòng ngừa tội phạm vừa là bộ phận cấu thành quan trọng của tội phạm học, vừa là mục tiêu, chức năng cơ bản của tội phạm học.* Hơn nữa, suy cho cùng thì mục đích của ngành khoa học về tội phạm học chính là

để phòng ngừa tội phạm, để cho tội phạm không xảy ra, không gây ra các hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, trước khi đưa ra khái niệm phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học cần phải làm sáng tỏ hai nội dung “*tội phạm*” với tư cách là đối tượng phòng ngừa và “*tội phạm học*” với tư cách là hệ thống bao gồm các bộ phận khác nhau mà lý luận về phòng ngừa tội phạm chính là một bộ phận cấu thành trong đó.

2. Khái niệm tội phạm và khái niệm tội phạm học

Tội phạm - là một hiện tượng tiêu cực trong xã hội, xuất hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước và pháp luật, cũng như khi xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng. Cho nên, để bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị, Nhà nước đã quy định hành vi nào là tội phạm và áp dụng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người nào thực hiện các hành vi đó. Do đó, tội phạm lại mang bản chất là một hiện tượng *pháp lý*.

* ĐT: 84-4-37549713.

E-mail: viet180411@yahoo.com

Là hiện tượng tiêu cực mang thuộc tính xã hội - pháp lý, tội phạm luôn chứa đựng trong nó đặc tính chống đối lại Nhà nước, chống đối lại xã hội, đi ngược lại lợi ích chung của cộng đồng, trật tự xã hội, xâm phạm đến quyền, tự do và các lợi ích hợp pháp của công dân. Tội phạm cũng mang tính lịch sử, nó có nguồn gốc xã hội, tồn tại và phát triển cùng với lịch sử tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Vì vậy, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, đồng thời tìm ra nguyên nhân và điều kiện của nó phải xuất phát từ xã hội, cũng như việc đưa ra các biện pháp phải phù hợp và dựa trên những quy luật kinh tế - xã hội khách quan và có tính tất yếu gắn liền với từng giai đoạn tương ứng của xã hội.

Nói chung, tội phạm ở các quốc gia trên thế giới khác nhau tùy theo bản chất giai cấp của mỗi nhà nước, cũng như phong tục, tập quán của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Do đó, nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa pháp lý của việc xác định rõ khái niệm tội phạm, Luật Hình sự Việt Nam cũng như Luật Hình sự các nước xã hội chủ nghĩa đều có định nghĩa thống nhất khái niệm tội phạm về phương diện nội dung và pháp lý, thể hiện rõ bản chất xã hội của tội phạm, qua đó phản ánh quan điểm, đường lối đúng đắn chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong từng giai đoạn của lịch sử và cách mạng, bảo vệ các lợi ích của toàn thể nhân dân. Đặc biệt, nó phân bác quan điểm phản khoa học đã từng tồn tại trong Luật Hình sự một số Nhà nước tư sản trước đây như Luật gia Mỹ *Tanhen Isum* cho rằng: “Tội phạm sẽ tồn tại vĩnh viễn cùng với xã hội, nó là một hiện tượng vĩnh viễn cũng giống như bệnh hoạn, sự điên dại và chết chóc. Tội phạm sẽ mãi mãi nở ra như mùa xuân và lặp lại một cách không thay đổi như mùa đông” [1]. Là một nội dung quan trọng và là đối tượng nghiên cứu của tội phạm học, do vậy, việc làm rõ khái niệm tội

phạm và khái niệm tội phạm học có ý nghĩa quan trọng, làm cơ sở để xây dựng khái niệm chính xác về phòng ngừa tội phạm.

2.1. Khái niệm tội phạm

Trong khoa học Luật Hình sự, trước đây và hiện nay còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về nội dung lẫn nội hàm khái niệm tội phạm [2-7]. Tuy nhiên, hiện nay, cùng với xu thế chung của tình hình thì việc mở rộng nội hàm và cách nhìn nhận khái niệm tội phạm dưới góc độ hiện đại hơn qua nhiều góc độ kinh tế, xã hội, pháp lý, văn hóa, địa lý, dư luận xã hội... Mặc dù vậy, điều cơ bản và quan trọng hơn cả, tội phạm chính là cơ sở pháp lý để phân biệt nó với các vi phạm pháp luật khác và với hành vi trái đạo đức, cũng như với các trường hợp không phải là tội phạm, qua đó bảo vệ pháp chế, củng cố và duy trì trật tự pháp luật, góp phần đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ một cách hữu hiệu lợi ích của Nhà nước, của xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Còn dưới góc độ khoa học Luật Hình sự Việt Nam, khái niệm tội phạm được nghiên cứu dưới phương diện “tính” và có thể được hiểu ngắn gọn như sau: *Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ Luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến một hoặc nhiều quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ.* Từ khái niệm này chúng ta có thể chỉ ra các đặc điểm cơ bản của tội phạm như sau: *Một là*, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội; *hai là*, tội phạm được quy định trong Bộ Luật hình sự; *ba là*, tội phạm do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện; *bốn là*, người thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý hoặc vô ý) và *năm là*, tội phạm xâm phạm đến một hoặc nhiều quan hệ xã hội được Luật Hình sự ghi nhận và bảo vệ.

Trong khi đó, dưới góc độ *tội phạm học*, khái niệm tội phạm lại được nghiên cứu trên phương diện “*động*” với tư cách là một hiện tượng tiêu cực nhất trong xã hội, có quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển nhất định, có “*nguyên nhân*” và “*điều kiện*”, đòi hỏi có sự cần thiết phải phòng ngừa “*tội phạm*”, đồng thời khái niệm “*tội phạm*” lại được mô tả xem như là “*hành vi phạm tội*” trong mối liên hệ với các hiện tượng, nhân tố và quá trình tác động khác nhau⁽¹⁾.

2.2. Khái niệm *tội phạm học*

Bên cạnh ngành khoa học Luật Hình sự, trong lĩnh vực tư pháp hình sự còn một ngành khoa học khác có đối tượng nghiên cứu *độc lập*, chuyên sâu nghiên cứu về bản chất của hiện tượng xã hội tiêu cực là tội phạm, nghiên cứu về quy luật làm phát sinh, tồn tại và phát triển của hiện tượng này trong đời sống xã hội, cũng như tìm ra nguyên nhân và điều kiện của nó để kiến nghị đưa ra những giải pháp tổng thể, có hệ thống mang tính chủ động hơn, tích cực hơn và có hiệu quả hơn đó chính là ngành khoa học nghiên cứu về tội phạm - ***Tội phạm học***. Do đó, việc nghiên cứu làm rõ khái niệm *tội phạm học*, đặc biệt là mối quan hệ trong đó với phòng ngừa tội phạm để làm rõ nội dung “*phòng ngừa tội phạm*” là một bộ phận *độc lập* tương đối nhưng không tách rời trong hệ thống hữu cơ của lý luận *tội phạm học*.

Thuật ngữ “*Tội phạm học*” được bắt nguồn từ hai từ của tiếng La Tinh “*Crimen*” (tội phạm) và tiếng Hy Lạp “*Logos*” (học thuyết,

quan điểm, lý luận) và khi kết hợp hai từ đó lại có nghĩa là “*Học thuyết về tội phạm*”, “*Khoa học nghiên cứu về tội phạm*” hay ngắn gọn hơn - *Tội phạm học*. Học giả người Ý tên là *Raffaele Garofalo* là người mở đầu khi đưa ra khái niệm này vào năm 1885, sau đó được phát triển năm 1889 bởi tác giả *Paul Tobinard*... [8]. Hiện nay, trong khoa học về tội phạm học nước ngoài, cũng giống như khái niệm *tội phạm*, khái niệm *tội phạm học* cũng được các nhà khoa học đề cập với nhiều quan điểm khác nhau với cách nhìn hiện đại và mở rộng hơn. Tuy nhiên, trong đó lý luận phòng ngừa *tội phạm* ít được đề cập hoặc có đề cập thì với tư cách là một nội dung nghiên cứu của *tội phạm học*.

Xu hướng thứ nhất: mở rộng nội hàm khái niệm *tội phạm học* và không coi phòng ngừa *tội phạm* là một nội dung (hay đối tượng nghiên cứu) của *tội phạm học*. Có thể kể đến quan điểm của một số nhà khoa học sau:

* Các tác giả *Rob White and Fiona Haines* nghiên cứu về ngành khoa học theo khía cạnh nguyên nhân của *tội phạm*, khía cạnh xã hội của vấn đề và viết: “*Tội phạm học* là một lĩnh vực nghiên cứu *độc lập*, có phạm vi nghiên cứu của *tội phạm học* rất rộng liên quan đến khía cạnh xã hội học pháp luật, nguyên nhân của *tội phạm* và sự phản ứng của xã hội đối với *tội phạm*... với sự khảo sát sâu hơn về các thể chế của tư pháp hình sự...” [9].

* Các tác giả *Edwin Sutherland và Donald Cressey* lại cho rằng: “*Tội phạm học* là tổng hợp những tri thức nghiên cứu về *tội phạm* với tư cách là một hiện tượng xã hội. Phạm vi nghiên cứu của nó bao gồm các quá trình làm luật, sự vi phạm pháp luật, và phản ứng trước các vi phạm pháp luật... Mục tiêu của *tội phạm học* là phát triển một hệ thống chung các nguyên tắc đã được kiểm nghiệm và các tri thức khác về diễn biến của pháp luật, của *tội phạm* và, cả sự giải quyết (xử lý) *tội phạm*” [10].

⁽¹⁾ Nghiên cứu về khái niệm *tội phạm* dưới góc độ Luật Hình sự có thể xem cụ thể hơn: Trịnh Tiến Việt “Về khái niệm *tội phạm* trong Luật Hình sự Việt Nam”, Tạp chí Tòa án Nhân dân, số 13/tháng 7/2007, còn xem xét *tội phạm* dưới góc độ *tội phạm học* sẽ được chúng tôi đề cập trong một bài viết khác.

* Các tác giả *Freda Adler, Gerhard O.W. Mueller* viết ngắn gọn hơn: “Tội phạm học là khoa học nghiên cứu về sự làm luật, sự vi phạm pháp luật, và phản ứng của xã hội đối với sự vi phạm pháp luật” [11];

Ngoài ra, xu hướng này cũng được ủng hộ và ghi nhận trong nhiều Từ điển thuật ngữ tiếng Anh hiện đại khác nhau, cụ thể tội phạm học được hiểu là “sự nghiên cứu về tội phạm và Luật Hình sự” [12]; “là ngành khoa học nghiên cứu về tội phạm và các hành động liên quan đến tội phạm và sự tuân thủ pháp luật” [13] hay là “lĩnh vực nghiên cứu riêng của xã hội học có liên quan đến nhiều vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa tội phạm và các hành động liên quan đến tội phạm. Nó còn bao gồm các lĩnh vực khác như: khoa học thống kê hình sự, tâm thần học tư pháp, khoa học giám định, sự tuân thủ pháp luật, các phương pháp điều tra” [14] hoặc là “việc nghiên cứu tội phạm như là một hiện tượng xã hội, nghiên cứu cả nguyên nhân và hậu quả của tội phạm, các hành động khác liên quan đến tội phạm, cũng như sự phát triển của chúng và sự tác động (ảnh hưởng) của pháp luật” [15], v.v...

Xu hướng thứ hai: thu hẹp nội hàm khái niệm tội phạm học và cũng không coi phòng ngừa tội phạm là một nội dung (hay đối tượng nghiên cứu) của tội phạm học. Theo đó:

* Tác giả *Richard F. Wetzell* viết: “Tội phạm học được hiểu là ngành khoa học nghiên cứu về các nguyên nhân của tội phạm” [16];

* Tác giả *Larry J. Siegel* quan niệm: “Tội phạm học là ngành khoa học tiếp cận để nghiên cứu các hoạt động liên quan đến tội phạm” [17];

* Học giả *Frank Schmalleger* định nghĩa: “Tội phạm học là khoa học nghiên cứu tội phạm và hành vi tội phạm, nghiên cứu về các loại tội phạm, nguyên nhân, các khía cạnh pháp luật và công tác kiểm soát tội phạm” [18], v.v...

Xu hướng thứ ba: thu hẹp hoặc mở rộng nội hàm khái niệm tội phạm học nhưng lại coi phòng ngừa tội phạm là một nội dung (hay đối tượng nghiên cứu) của tội phạm học. Quan điểm này được thừa nhận trong khoa học về tội phạm học một số nước (đặc biệt là Liên bang Nga và Việt Nam)⁽²⁾:

* Tác giả *Can Ueda* thì quan niệm: “Tội phạm học là khoa học nghiên cứu tội phạm và đề ra các biện pháp đấu tranh phòng chống” [19];

* Giáo sư *A.I. Dolgovo* và đồng nghiệp viết: “Tội phạm học là khoa học nghiên cứu tội phạm, các dạng tội phạm, các nguyên nhân của tội phạm và các mối quan hệ với các hiện tượng và quá trình khác; nghiên cứu hiệu quả áp dụng các biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm” [20]. Tương tự, trong khoa học về tội phạm học nước ta, về cơ bản đều thống nhất trong việc chỉ ra nội dung và đối tượng nghiên cứu với xu hướng thứ ba này, chẳng hạn:

* GS.TSKH. *Đào Trí Úc* viết: “Tội phạm học là khoa học nghiên cứu về tình hình tội phạm, các loại tội phạm; về nguyên nhân của tội phạm và tất cả các mối liên hệ của tội phạm với những hiện tượng xã hội và với các quá trình diễn ra trong xã hội; về hiệu quả của các giải pháp đấu tranh chống tội phạm...” [21];

⁽²⁾ Chúng tôi đồng ý với xu hướng này, song nhấn mạnh hơn: phòng ngừa tội phạm vừa là bộ phận cấu thành quan trọng của tội phạm học, vừa là mục tiêu, chức năng cơ bản của tội phạm học. Hơn nữa, suy cho cùng thì mục đích của ngành khoa học về tội phạm học chính là để phòng ngừa tội phạm, để cho tội phạm không xảy ra, không gây ra các hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Do đó, nếu xem xét “tội phạm học” với tư cách là hệ thống (ngành khoa học) bao gồm các bộ phận (đối tượng nghiên cứu) khác nhau thì lý luận về phòng ngừa tội phạm chính là một bộ phận cấu thành (đối tượng nghiên cứu) trong đó.

* GS.TS. Đỗ Ngọc Quang quan niệm: “Tội phạm học là ngành khoa học nghiên cứu những vấn đề liên quan đến tình trạng phạm tội và tội phạm, sự biến động của từng loại tội phạm trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương hay trong phạm vi toàn quốc ở từng giai đoạn nhất định; nghiên cứu về nhân thân người phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội và những biện pháp phòng ngừa tội phạm nhằm từng bước ngăn chặn, hạn chế đẩy lùi tội phạm trong cuộc sống xã hội” [22];

* GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm cho rằng: “Tội phạm học là ngành khoa học nghiên cứu tội phạm, tình hình tội phạm, các nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm, nghiên cứu cá nhân kẻ phạm tội và những biện pháp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nhằm ngăn chặn, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội” [23], v.v...

Tuy nhiên, các quan điểm đã nêu chủ yếu làm sáng tỏ đối tượng nghiên cứu song còn chưa khẳng định một cách dứt khoát - tội phạm học là ngành khoa học *tự nhiên*, khoa học *xã hội* hay *ứng dụng*... Nói một cách khác, chưa làm rõ vị trí của tội phạm học trong hệ thống các ngành khoa học. Việc xác định vị trí của ngành khoa học này còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau đã được GS.TSKH. Đào Trí Úc tổng kết [21], cụ thể là:

* Có quan điểm cho rằng: “Tội phạm học là *xã hội học về tội phạm* và do đó các kiến thức cơ sở của nhà tội phạm học phải là *xã hội học*”.

* Có quan điểm coi: “Tội phạm học là môn khoa học vừa có tính luật học, vừa có tính chất tổng hợp một số ngành khoa học xã hội như xã hội học, tâm lý học, kinh tế học chính trị... nhưng *luật học* nổi trội hơn”.

* Có quan điểm quan niệm: “Tội phạm học mang tính chất *hành vi học*, tức là đặt sự quan tâm chủ yếu vào tội phạm như là hành vi xã hội có cơ chế phát sinh và biểu hiện. Quan điểm này lấy các khoa học về *hành vi*

như tâm lý học, tâm thần học, khoa học về bệnh lý làm cơ sở chính”.

* Ngoài ra, còn có quan điểm lại cho rằng: “Tội phạm học là một lĩnh vực khoa học *tổng hợp, liên ngành*, nằm giữa và liên kết nhiều lĩnh vực khoa học để trên cơ sở đó đánh giá toàn diện về tội phạm [24], v.v...

Gần đây, có quan điểm của GS.TS. Võ Khánh Vinh khẳng định dứt khoát: “Tội phạm học là một trong những ngành *khoa học xã hội*, một trong những ngành khoa học hiểu biết về xã hội và nó giáp ranh giữa *xã hội học* và *luật học*” [25]. Chúng tôi đồng tình với quan điểm này, song nhấn mạnh và cụ thể hơn - tội phạm học là ngành *khoa học xã hội - pháp lý hình sự*, nó giáp ranh giữa *xã hội học* và *pháp luật hình sự*, vì một số lý do dưới đây.

Một là, xuất phát từ nội dung, phạm vi, tính chất các vấn đề thuộc đối tượng nghiên cứu của tội phạm học thì các quan điểm đã nêu trước không bao trùm được tất cả các vấn đề mà tội phạm học nghiên cứu (hoặc là quá rộng hoặc ngược lại, - quá hẹp trong nội dung).

Hai là, theo quan điểm này thì nó bao trùm ở mức độ đầy đủ những vấn đề mà tội phạm học nghiên cứu. Điều này thể hiện ở chỗ: các hiện tượng tiêu cực mà tội phạm học nghiên cứu vừa mang tính *xã hội* và vừa mang tính pháp lý (*hình sự*). Ví dụ: “*Tội phạm*” vừa là hiện tượng tiêu cực tồn tại trong xã hội, vừa là hiện tượng mang thuộc tính pháp luật hình sự vì theo quan điểm của các nhà làm luật coi hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là tội phạm thì nó là tội phạm, nếu không coi nó là tội phạm thì cũng không phải là tội phạm; hoặc “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm*” hay “*Nhân thân người phạm tội*” có liên hệ và gắn chặt chẽ với ý thức pháp luật, tâm lý học, thái độ đối với pháp luật, trật tự xã hội, giáo dục học, đạo đức học, nhân chủng học...

Ba là, hệ thống phòng ngừa tội phạm và những biện pháp phòng ngừa cũng dựa trên

cơ sở pháp luật và tuân theo pháp luật, phòng ngừa tội phạm cũng dựa trên cơ sở xã hội vì tội phạm là hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Chủ thể phòng ngừa tội phạm cũng là toàn xã hội tham gia, thu hút sự tham gia của toàn dân... Về vấn đề này, trước đây, trong nội dung chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta, phòng ngừa tội phạm được coi là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh giai cấp, là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, cũng như của tất cả các cơ quan, tổ chức mà các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án là lực lượng trung tâm và nòng cốt. Cụ thể, ngay từ những ngày đầu mới giành được chính quyền, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn tập trung đấu tranh phòng chống các tội phạm cách mạng, các tội phạm hình sự nguy hiểm khác để giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội, cũng như bảo vệ các lợi ích của xã hội, của nhân dân. Lúc đó, phòng ngừa và chống tội phạm được coi là nhiệm vụ thường xuyên và đặt lên vị trí quan trọng song song với các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội khác. Về sau, các nội dung liên quan đến phòng ngừa và chống tội phạm đã được thể hiện trong rất nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước⁽³⁾.

⁽³⁾ Chẳng hạn, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) đã chỉ rõ: "... Kết hợp các biện pháp phòng ngừa, giáo dục là cơ bản với trấn áp, trừng trị các loại tội phạm...". Gần đây, Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) đã ghi nhận: "Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật". Ngoài ra, Đảng và Nhà nước đã xác định "các cơ quan tư pháp phải thực sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các tội phạm và vi phạm..." (Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị Ban

Bốn là, ngoài ra, các biện pháp phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học còn thể hiện ở chỗ: góp phần cải thiện các điều kiện xã hội, loại trừ các nguyên nhân và điều kiện phạm tội, tạo điều kiện và môi trường tích cực và tự do cho việc hình thành lối sống, nhân cách, thái độ, ứng xử con người mới. Do đó, chúng tôi cho rằng tội phạm học nghiên cứu những vấn đề trên không chỉ nằm trong giới hạn của khoa học pháp lý (mà cụ thể là khoa học *pháp lý hình sự*), đồng thời sự phân tích các quan hệ pháp luật lại chính được nhìn nhận trong lĩnh vực của xã hội học mới bảo đảm tính chính xác và có cơ sở khoa học - thực tiễn. Đặc biệt, vai trò của xã hội, nhất là dư luận xã hội lại rất có ý nghĩa trong việc quy định, xây dựng và hoàn thiện pháp luật nói chung, pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói riêng, qua đó còn thể hiện nguyên tắc dân chủ trong hoạt động xây dựng pháp luật. Nhân bàn về nội dung này, chúng tôi xin dẫn ý kiến có lý của nhà luật học R. Savatier khi nói về mối quan hệ giữa xã hội học và luật học: "Những hồ sơ (tư liệu) của các nhà luật học là những nguồn đặc sắc nhất mà nhà xã hội học có thể tham khảo về sự lành mạnh cũng như về những bệnh tật của xã hội... Nếu xã hội học là một khoa học khảo sát về con người sống trong xã hội, thì luật là một khoa học quy phạm về con người trong xã hội. Bởi vì nó có tính chất quy phạm, nó có thêm một nghệ thuật, nghệ thuật thiết chế xã hội" [26].

Như vậy, tổng hợp các quan điểm trên đây, kết hợp với thực tiễn công tác nghiên cứu - giảng dạy về tội phạm học ở nước ta trong thời gian vừa qua, cũng như những đóng góp về mặt thực tiễn - xã hội của ngành khoa học này, dưới góc độ khoa học theo chúng tôi khái niệm đã nêu như sau: *Tội*

chấp hành TW Đảng về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020").

phạm học là ngành khoa học xã hội - pháp lý hình sự nghiên cứu về tội phạm với tư cách là một hiện tượng xã hội, nghiên cứu về tình hình tội phạm và các loại tội phạm cụ thể, về nguyên nhân và điều kiện phạm tội và tất cả các mối liên hệ của tội phạm với những hiện tượng xã hội và với các quá trình diễn ra trong xã hội, về nhân thân người phạm tội, cũng như đề ra những giải pháp phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác có khuynh hướng phát triển trở thành tội phạm.

Từ định nghĩa này có thể chỉ ra đối tượng nghiên cứu chính và chủ yếu của tội phạm học hiện nay như sau: a) Tội phạm, tình hình tội phạm và các loại tội phạm cụ thể; b) Các nguyên nhân và điều kiện phạm tội và của tình hình tội phạm; c) Nhân thân người phạm tội; d) Các vi phạm pháp luật trong xã hội có khuynh hướng trở thành tội phạm, các mối liên hệ của tội phạm với những hiện tượng xã hội và với các quá trình diễn ra trong xã hội; đ) Hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật khác có khuynh hướng phát triển trở thành tội phạm. Do đó, phòng ngừa tội phạm phải và chính là một bộ phận cấu thành quan trọng của tội phạm học chứ không thể nằm ngoài tội phạm học.

3. Khái niệm phòng ngừa tội phạm

Đúng như GS.TSKH. Đào Trí Úc đã viết "... Tội phạm học có mục đích đưa ra những kiến nghị về các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm..." [21]. Do đó, mục đích cuối cùng và quan trọng nhất của ngành khoa học này là tìm ra được những biện pháp tác động vào quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển của tội phạm, đồng thời khắc phục được nguyên nhân và điều kiện phạm tội.

Tư tưởng về phòng ngừa tội phạm và sự cần thiết của phòng ngừa tội phạm đã tồn tại

từ rất lâu trong lịch sử loài người để bảo vệ, duy trì trật tự và công bằng xã hội, góp phần bảo vệ các lợi ích chung của cộng đồng, của xã hội. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã tiếp tục kế thừa và phát triển những tư tưởng văn minh và tiến bộ này. Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tội phạm phát sinh và tồn tại là do những nguyên nhân và điều kiện khác nhau, song "với bản chất tốt đẹp của mình, Nhà nước xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có khả năng tiến hành cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm có kết quả. Trong Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm phải được coi là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp và trong cuộc đấu tranh đó, phải đặc biệt quan tâm đến công tác phòng ngừa tội phạm..." [27].

Còn ở nước ta, từ ngay sau khi thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm đến công tác phòng ngừa tội phạm. Cụ thể, riêng trong công tác tư pháp (xét xử), Người đã từng nói "Xét xử là tốt, nhưng nếu không phải xét xử thì càng tốt hơn" [28]. Câu nói này của Người đã thể hiện phương châm rất quan trọng trong đường lối xử lý của Nhà nước ta - lấy giáo dục, phòng ngừa là chính, phòng ngừa tốt cũng chính là chống tội phạm tốt. Yêu cầu là phải ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm ngay từ đầu làm cho tội phạm ít xảy ra hơn và tiến tới không xảy ra tội phạm, và để việc chống tội phạm, xử lý tội phạm chỉ là hãn hữu, là việc làm bất đắc dĩ. Lấy việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là quan trọng, hàng đầu.

Thực hiện tư tưởng phòng ngừa này, về sau trong nội dung chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta, phòng ngừa tội phạm được coi là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh giai cấp, là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, cũng như của tất cả các cơ quan, tổ chức, trong đó các

co quan bảo vệ pháp luật và Tòa án là lực lượng trung tâm và nòng cốt. Cụ thể, ngay từ những ngày đầu mới giành được chính quyền, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn tập trung đấu tranh phòng chống các tội phạm cách mạng, các tội phạm hình sự nguy hiểm khác để giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội, cũng như bảo vệ các lợi ích của xã hội, của nhân dân...⁽⁴⁾.

Đặc biệt, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP “*Về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*” ngày 31/7/1998 đã nhận định rất xác đáng rằng: “... Tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay vẫn có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Cơ cấu thành phần tội phạm có những thay đổi, số thanh niên phạm tội chiếm tỷ lệ ngày càng cao. Đặc biệt là tình trạng phạm tội có tổ chức như tham nhũng, buôn lậu, mua bán phụ nữ, xâm hại trẻ em... phạm tội có sử dụng bạo lực, cướp của, giết người, chống người thi hành công vụ, đâm thuê, chém mướn, bảo kê nhà hàng và các hành vi phạm tội khác có tính chất côn đồ hung hãn;

⁽⁴⁾ Ví dụ một số văn bản của Đảng và Nhà nước trước đây: Sắc lệnh số 223/SL ngày 17/11/1946 trừng trị các tội nhận hối lộ, đưa hối lộ, phù lạm hoặc biến thủ công quỹ; Quyết định 123/CP ngày 8/7/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc cấm những phần tử có thể gây nguy hại cho trật tự xã hội ở những khu vực quan trọng, xung yếu về chính trị, kinh tế, quốc phòng; Bản Tổng kết và hướng dẫn số 329-HS2 ngày 11/5/1967 của Tòa án nhân dân tối cao về đường lối xét xử tội hiếp dâm và một số tội phạm khác về tình dục; Pháp lệnh trừng trị các tội phạm cách mạng ngày 30/10/1967; Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân ngày 21/10/1970; Thông tư số 03-BTP/TT tháng 4/1976 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Sắc luật quy định về các tội phạm và hình phạt; Pháp lệnh trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép ngày 10/7/1982; Nghị quyết số 240/HĐBT ngày 26/6/1990 về đấu tranh chống tham nhũng, v.v...

gây ra những hậu quả hết sức nghiêm trọng gây lo lắng cho toàn xã hội... Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, việc thi hành pháp luật lại chưa nghiêm, sự phối hợp hoạt động của cơ quan bảo vệ pháp luật còn thiếu chặt chẽ, nhiều ngành, nhiều cấp chưa coi trọng đúng mức công tác tham gia phòng, chống tội phạm. Một bộ phận cán bộ, kể cả cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật bị tha hóa, ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng nhân dân; công tác phòng ngừa tội phạm trong gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư chưa được quan tâm đúng mức...”. Do đó, Nghị quyết đã xác định các chủ trương mang tính phòng ngừa xã hội cao như sau:

Một là, xây dựng và thực hiện cơ chế phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, đẩy mạnh phong trào cách mạng của toàn dân, nâng cao trách nhiệm vai trò chủ động của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tập trung phòng, chống các tội tham nhũng, buôn lậu, tội phạm hoạt động có tổ chức, lưu manh chuyên nghiệp, côn đồ hung hãn, bọn buôn bán lôi kéo thanh niên, học sinh vào con đường sử dụng và nghiện hút ma túy, các loại tội phạm xâm hại trẻ em, mua bán phụ nữ, trẻ em.

Hai là, đổi mới và thực hiện nghiêm chỉnh cơ chế phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật; nâng cao trách nhiệm, phát huy chức năng của các cơ quan Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Từng ngành xây dựng chương trình hành động, gắn việc thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với phòng và đấu tranh chống các tội phạm, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phát hiện, điều tra và xử lý nghiêm đối với các loại tội phạm. Xây dựng lực lượng công

an nhân dân và các cơ quan bảo vệ pháp luật khác thật sự trong sạch, vững mạnh để thực hiện tốt vai trò nòng cốt, xung kích trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Ba là, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức tuyên truyền giáo dục ý thức chấp hành pháp luật để phục vụ kịp thời, có hiệu quả cho công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trước mắt và lâu dài. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý giáo dục, cải tạo người phạm tội bằng nhiều hình thức, giúp họ cải tạo tiến bộ, hoàn lương, tái hòa nhập gia đình và cộng đồng xã hội.

Bốn là, tăng cường sự hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm theo nguyên tắc phù hợp với pháp luật hiện hành của nước ta và pháp luật quốc tế, phù hợp với các chương trình chống tội phạm của Liên hợp quốc và của Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế Interpol.

Năm là, đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và gian lận thương mại, tăng cường quản lý trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị, quản lý các hoạt động văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội, triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Đảng, Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về trật tự an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm.

Sáu là, đặt nhiệm vụ phòng, chống tội phạm thành Chương trình quốc gia có mục tiêu và nội dung các đề án cụ thể nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội vào công tác phòng, chống tội phạm, từng bước làm giảm tội phạm. Xây dựng môi trường sống lành mạnh trong xã hội, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật và hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Bảy là, tiếp tục phát động quần chúng xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác và đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp ngăn ngừa tội phạm trong gia đình, nhà trường và xã hội. Cùng

cố các tổ dân phố, lực lượng bảo vệ chuyên trách, bán chuyên trách, các tổ chức đoàn thể quần chúng ở cơ sở phường, xã tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Tám là, sử dụng đồng bộ các biện pháp để phòng ngừa, ngăn chặn, trấn áp kịp thời và kiên quyết đối với các loại tội phạm nguy hiểm như: tội phạm có tổ chức, tội phạm tham nhũng, buôn lậu, tội phạm giết người, cướp tài sản, tội phạm xâm hại trẻ em (hiếp dâm trẻ em, bắt cóc và buôn bán trẻ em, lôi kéo trẻ em vào con đường sử dụng và nghiện hút ma túy). Tiếp tục chấn chỉnh công tác giam giữ; nâng cao hiệu quả công tác giáo dục cải tạo phạm nhân.

Tiếp đó, ngày 08/11/2004, Thủ tướng Chính phủ lại ban hành Chỉ thị số 37/2004/CT-TTg "Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ đến năm 2010", với ý nghĩa đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong công tác đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm trong tình hình mới...

Hiện nay, phòng ngừa tội phạm còn là đề Nhà nước xây dựng kế hoạch phòng ngừa, nhận diện những diễn biến tội phạm và tình hình tội phạm trong tương lai, khả năng xuất hiện, thay đổi của tội phạm cũ và tội phạm mới, diễn biến và quy luật của quá trình tội phạm hóa - phi tội phạm hóa, hình sự hóa - phi hình sự hóa, cũng như những biến đổi của đời sống xã hội khác. Nói một cách khác, với tư cách là ngành khoa học thực hiện chính chức năng phòng ngừa, tội phạm học góp phần bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, và có pháp chế thì Nhà nước pháp quyền mới đi vào thực tế. Pháp chế chính là đòi hỏi quan trọng của pháp luật. "*Pháp chế như là tính thiêng liêng của pháp luật, tính bền vững của các quy phạm*

pháp lý... Pháp chế có mối quan hệ chặt chẽ với pháp luật, với bình đẳng và với sự tuân thủ luật pháp, không một ai, không một người nào có bất kỳ một đặc quyền nào trước pháp luật..." [29]. Cho nên, không phải ngẫu nhiên, trong Bộ Luật hình sự nhà làm luật nước ta đã quy định rằng, pháp luật hình sự là một trong những công cụ sắc bén, hữu hiệu để đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần đắc lực vào việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, góp phần duy trì trật tự an toàn xã hội, trật tự quản lý kinh tế, bảo đảm cho mọi người được sống trong một môi trường xã hội và sinh thái an toàn, lành mạnh, mang tính nhân văn cao, đồng thời chỉ rõ tại Bộ Luật hình sự. Cụ thể, Bộ Luật hình sự thể hiện tinh thần *chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm và thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục, cảm hóa, cải tạo người phạm tội trở thành người lương thiện; qua đó, bồi dưỡng cho mọi công dân tinh thần, ý thức làm chủ xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật, chủ động tham gia phòng ngừa và chống tội phạm* (Lời nói đầu của Bộ Luật hình sự).

Ngoài ra, về phương châm đấu tranh, các nhà làm luật nước ta đã xác định rõ trong Bộ Luật hình sự năm 1999 là "... *đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm...*" (khác với quy định tương ứng trong Bộ Luật hình sự năm 1985 là "... *đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm...*"). Đây là sự thay đổi lớn trong đường lối đấu tranh, nó có mục đích huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia tích cực vào công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, giáo dục, cảm hoá người phạm tội, giúp cho họ sớm hòa nhập cộng đồng. Quan điểm "lấy giáo dục, phòng ngừa là chính, kết hợp với răn đe, giữ nghiêm kỷ cương, đề cao tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa, bản chất ưu việt

của chế độ ta và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, phát huy vai trò quần chúng và các đoàn thể nhân dân chủ động tham gia phòng chống tội phạm..." [30].

Đặc biệt, các cơ quan Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp, Thanh tra và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thi hành đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, công dân đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng. Các cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ pháp luật và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình. Và mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm (Điều 4). Như vậy, *phòng ngừa tội phạm không chỉ là nhiệm vụ của một cơ quan, tổ chức và cũng không phải của một ngành khoa học nào trong lĩnh vực tư pháp hình sự, mà nó chính là nhiệm vụ chung của toàn xã hội*. Điều này hoàn toàn phù hợp với các Nghị quyết của Đảng, văn bản pháp luật và lợi ích chung của Tổ quốc và nhân dân.

Tuy nhiên, ngành khoa học về tội phạm (tội phạm học) phải có nhiệm vụ thực hiện chức năng phòng ngừa tội phạm. Phòng ngừa không để tội phạm xảy ra chứ không phải để tội phạm xảy ra rồi mới tìm cách khắc phục. Trường hợp hãn hữu nếu tội phạm có xảy ra thì ở mức độ hạn chế gây hậu quả (thiệt hại) cho xã hội, kịp thời xử lý nhanh chóng tội phạm, khắc phục hậu quả. Trên cơ sở này, tội phạm học còn phải xây dựng được cơ sở và các nguyên tắc trong hoạt động phòng ngừa, xác định chủ thể phòng ngừa, lập và xây dựng kế hoạch

phòng ngừa đầy đủ và khoa học và có hệ thống các biện pháp phòng ngừa. Do đó, nếu thực hiện tốt nhiệm vụ này mới có thể từng bước ngăn chặn tội phạm và tình hình tội phạm trong xã hội, không cho tội phạm phát triển, qua đó từng bước đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Hiện nay, nghiên cứu trong khoa học về tội phạm còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm này.

* Theo quan điểm trong khoa học và sách báo pháp lý một số nước đều thống nhất cho rằng: “phòng ngừa tội phạm là không để cho tội phạm xảy ra, thủ tiêu các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm...” hay “không để cho tội phạm gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, thủ tiêu nguyên nhân và kiểm soát được tội phạm, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật, cũng như có các biện pháp cải tạo, giáo dục người phạm tội, đưa họ trở thành những công dân có ích cho xã hội và cho cộng đồng...” [2-5], v.v...

* Còn trong khoa học về tội phạm học của Liên Xô trước đây, quan niệm về phòng ngừa tội phạm trong hệ thống này được GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm dẫn ra như sau: “Phòng ngừa tội phạm là tổng hợp các biện pháp có quan hệ tác động lẫn nhau, được tiến hành bởi cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội nhằm mục đích ngăn chặn tội phạm và hạn chế, loại trừ những nguyên nhân sinh ra tội phạm” (Giáo trình Tội phạm học năm 1966) hay còn được hiểu là “*một phương tiện điều chỉnh sự phát triển các quan hệ xã hội nhằm mục đích hạn chế, loại trừ các nguyên nhân tội phạm, như là sự tác động lẫn nhau của các biện pháp kinh tế - xã hội, giáo dục - sự phạm, tổ chức và pháp luật, như là một tổ hợp các biện pháp khác nhau của phòng ngừa tội phạm*” (Sách chuyên khảo: Những cơ sở lý luận phòng ngừa tội phạm năm 1977), v.v... [23].

Trong khi đó, trong khoa học về tội phạm học nước ta thì về cơ bản đều thống nhất khi *phân chia* nội dung của phòng ngừa tội phạm theo hai cấp bậc rộng và hẹp khác nhau, cụ thể:

* GS.TS. Đỗ Ngọc Quang chỉ ra phòng ngừa tội phạm theo hai nghĩa: Theo nghĩa *rộng*, phòng ngừa tội phạm bao hàm, một mặt không để cho tội phạm xảy ra, thủ tiêu nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Mặt khác, bằng mọi cách để ngăn chặn tội phạm, kịp thời phát hiện tội phạm, xử lý nghiêm minh các trường hợp phạm tội và cuối cùng là cải tạo, giáo dục người phạm tội, đưa họ trở thành những công dân có ích cho xã hội; theo nghĩa *hẹp*, phòng ngừa tội phạm là không để cho tội phạm xảy ra, không để cho tội phạm gây hậu quả cho xã hội, không để cho thành viên của xã hội phải chịu hình phạt của pháp luật, tiết kiệm được những chi phí cần thiết cho Nhà nước trong công tác điều tra, truy tố, xét xử và cải tạo giáo dục người phạm tội” [22].

* PGS.TS. Nguyễn Chí Dũng và tập thể tác giả định nghĩa: “Phòng ngừa tội phạm là sử dụng các phương pháp, chiến thuật, biện pháp, phương tiện nghiệp vụ cần thiết, với sự tham gia của các lực lượng nhằm khắc phục mọi nguyên nhân, điều kiện không để tội phạm phát sinh, phát triển”. Đồng thời, tập thể tác giả cũng chỉ ra trong phòng ngừa tội phạm có hai nhóm biện pháp là phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng. Theo đó: phòng ngừa chung là sử dụng tổng hợp các biện pháp kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, pháp luật... nhằm loại bỏ các yếu tố có thể trở thành nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh, phát triển tội phạm, được toàn xã hội tham gia thực hiện; phòng ngừa riêng là các biện pháp pháp luật, nghiệp vụ do các cơ quan chuyên môn (Công an, Thanh tra, Kiểm sát, Tòa án, Kiểm lâm, Cảnh sát biển...) tiến hành nhằm vào những đối tượng cụ thể [31].

* TS. Lê Thế Tiêm và tập thể tác giả phân tích: “Phòng ngừa tội phạm tức là không để cho tội phạm xảy ra và gây nên những hậu quả nguy hiểm cho xã hội, không để cho các thành viên của xã hội phải gánh chịu các hình phạt khắc nghiệt của pháp luật. Và nếu tội phạm có xảy ra thì phải kịp thời phát hiện, xử lý để đảm bảo cho tội phạm không thể tránh khỏi hình phạt, giáo dục và cải tạo người phạm tội trở thành công dân có ích cho xã hội...” [32];

* Theo Từ điển Luật học định nghĩa: “Phòng ngừa tội phạm là ngăn ngừa tội phạm và loại trừ các nguyên nhân phát sinh tội phạm bằng toàn bộ những biện pháp liên quan với nhau do cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội tiến hành” [33].

* Gần đây, GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa đã đưa ra khái niệm này dưới góc độ tội phạm học cũng tương đối hợp lý như sau: “Phòng ngừa tội phạm là hoạt động của các cơ quan, tổ chức và công dân, thực hiện tổng thể các biện pháp tác động trực tiếp vào các nhóm nguyên nhân của tội phạm để kiểm soát, hạn chế tác dụng và loại trừ dần những nhóm nguyên nhân này...” [34].

Tuy nhiên, trong thực tiễn của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng ngừa tội phạm lại được hiểu một cách trực tiếp và đơn giản chính là *hoạt động chủ yếu của các cơ quan chuyên môn, chuyên trách trong công tác bảo vệ pháp luật và phòng chống tội phạm, mà cụ thể là: Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, cơ quan Thi hành án hình sự và một số cơ quan Nhà nước khác (Kiểm lâm, Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển ...)* nhằm ba mục đích sau:

Một là, loại trừ và thủ tiêu các nguyên nhân và điều kiện phạm tội, xóa bỏ các tác nhân là điều kiện tạo thuận lợi việc phát sinh ra tội phạm.

Hai là, nghiên cứu môi trường sống (gia đình - nhà trường - xã hội) xung quanh các

nguyên nhân và điều kiện phạm tội và người phạm tội, qua đó hạn chế, ngăn ngừa những hiện tượng có ảnh hưởng bất lợi và không đúng đến việc hình thành các phẩm chất cá nhân tiêu cực chống đối xã hội của bản thân người phạm tội.

Ba là, trên cơ sở này, đưa ra các giải pháp tổng thể và có hệ thống phòng ngừa các hiện tượng tiêu cực và tội phạm, các tác nhân ảnh hưởng và những thiếu sót trong cơ chế quản lý về các mặt (như: kinh tế, xã hội, công tác tổ chức cán bộ...), cũng như kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và các ngành luật khác.

Mặc dù vậy, để đưa ra được khái niệm phòng ngừa tội phạm chính xác về mặt khoa học và phù hợp với thực tiễn, phục vụ công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm cần phân tích và làm sáng tỏ những đặc điểm của khái niệm này. Về cơ bản, qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy về cơ bản các nhà khoa học - luật gia đều thông qua các nội dung của các đặc điểm cơ bản về khái niệm phòng ngừa tội phạm và tổng hợp lại, chúng tôi có thể chỉ ra như sau:

Thứ nhất, phòng ngừa tội phạm không chỉ là nhiệm vụ của một cơ quan, tổ chức và cũng không phải của một ngành khoa học nào trong lĩnh vực tư pháp hình sự, mà nó chính là nhiệm vụ chung của toàn xã hội, mà trong đó ngành khoa học về tội phạm học phải có nhiệm vụ thực hiện chức năng phòng ngừa tội phạm. Dựa trên cơ sở chức năng này, đến lượt mình tội phạm học phải xây dựng được cơ sở và các nguyên tắc trong hoạt động phòng ngừa, xác định chủ thể phòng ngừa, lập và xây dựng kế hoạch phòng ngừa đầy đủ và khoa học và có hệ thống các biện pháp phòng ngừa. Do đó, nếu thực hiện tốt chức năng này mới có thể từng bước ngăn chặn tội phạm và tình hình tội phạm trong xã hội, không cho tội phạm phát triển, qua đó từng bước đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Thứ hai, phòng ngừa tội phạm chính là mục tiêu cuối cùng và là chức năng quan trọng nhất [35], vì chỉ khi làm tốt các chức năng mô tả, giải thích và dự báo thì mới có thể tìm ra được những biện pháp tác động vào quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển của tội phạm, đồng thời khắc phục được các nguyên nhân và điều kiện phạm tội cũng như những tồn tại trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thứ ba, cũng trên cơ sở những chức năng đã nêu mới có thông tin đầy đủ để xây dựng kế hoạch phòng ngừa, nhận diện những diễn biến tội phạm và tình hình tội phạm trong tương lai, khả năng xuất hiện, thay đổi của tội phạm cũ và tội phạm mới, diễn biến và quy luật của quá trình tội phạm hóa - phi tội phạm hóa, hình sự hóa - phi hình sự hóa, cũng như những biến đổi của đời sống xã hội khác.

Thứ tư, phòng ngừa tội phạm bao gồm tổng thể các biện pháp phòng ngừa: chính trị - tư tưởng, kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, pháp luật, quản lý Nhà nước...

Thứ năm, phòng ngừa tội phạm, suy cho cùng, chính là đưa ra những giải pháp mang tính chủ động hơn, tích cực hơn và có hiệu quả hơn trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, hỗ trợ cho các ngành luật khác trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Hơn nữa, chính những giải pháp của ngành khoa học này là tiền đề rất quan trọng để thực hiện tốt đường lối xử lý về hình sự, cũng như trong công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm của Nhà nước, đồng thời đây cũng chính là phương diện xã hội rộng lớn và bao quát hơn của cuộc đấu tranh đối diện và trực diện với tội phạm.

Thứ sáu, Nhà nước, các tổ chức, cơ quan và mỗi công dân trong xã hội không phải chịu những hậu quả (thiệt hại) mà tội phạm gây ra, cũng như Nhà nước và xã hội không phải mất đi những chi phí không cần thiết để giải quyết và khắc phục các hậu quả này.

Thứ bảy, trong xã hội không có bất kỳ thành viên nào phải bị điều tra, truy tố và xét xử. Nói một cách khác, không để bất kỳ công dân nào trong xã hội phải bị xử lý, bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải chịu hình phạt.

Thứ tám, tiết kiệm một khoản rất lớn về chi phí, tiền của và sức lực cho Nhà nước, của xã hội trong việc điều tra, truy tố, xét xử, trong việc khắc phục hậu quả của tội phạm gây ra cho xã hội, trong công tác cải tạo, giáo dục và thi hành án đối với người phạm tội.

Và *thứ chín*, trong trường hợp nếu vẫn có tội phạm xảy ra trong xã hội thì bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội, giải quyết nhanh chóng, chính xác và đúng pháp luật đối với trách nhiệm hình sự và hình phạt của người phạm tội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của xã hội và của công dân.

Tóm lại, trên cơ sở tổng hợp các quan điểm khoa học đã nêu, kết hợp với thực tiễn đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta trong thời gian vừa qua, dưới góc độ tội phạm học, theo chúng tôi khái niệm này có thể được định nghĩa như sau: *Phòng ngừa tội phạm là hoạt động của tất cả các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án, các cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội và của mọi công dân trong xã hội áp dụng tổng hợp và đồng bộ các biện pháp khác nhau hướng vào thủ tiêu những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, cũng như loại bỏ các yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình hình thành phẩm chất cá nhân tiêu cực, đồng thời từng bước hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội*. Nói một cách ngắn gọn khác, phòng ngừa tội phạm là một bộ phận cấu thành của lý luận tội phạm học, đồng thời là hoạt động của toàn xã hội trong việc tìm ra các nguyên nhân phát sinh ra tội phạm khắc phục, cũng như để ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Niên (chủ biên), *Những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm trong Luật Hình sự Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1986.
- [2] David Brown, David Farrier, Neal, David Weisbrot, *Criminal Laws*, Published in Sydney by the Federation Press, 1996.
- [3] Rob White, Fiona Haines, *Crime and Criminology: An introduction* (Second Edition), Oxford University Press, 2000.
- [4] Sue Titus Reid, *Crime and Criminology*, Holt, Rinehart and Winton, Inc, 1988.
- [5] L.J. Siegel, *Criminology: Theory, pattern and typologies*, Printed in the United States of America, 2001.
- [6] Lê Văn Cẩm, *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật Hình sự (phần chung)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
- [7] Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn, *Từ điển pháp luật hình sự*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2006.
- [8] <http://www.en.wikipedia.org/wiki/criminology>, ngày 2/5/2007.
- [9] Rob White, Fiona Haines, *Crime and Criminology: An introduction* (Second Edition), Oxford University Press, 2000.
- [10] Edwin Sutherland, Donald Cressey, *Principles of Criminology*, 6th ed (Philadelphia: J.B. Lippincott, 1960.
- [11] Freda Adler, Gerhard O.W.Mueller, *Criminology: The Shorter Version*, Inc. Printed in the United States of America, 1995.
- [12] Nandankanan.tripod.com/scienecterm.htm.
- [13] Wordnet.princeton.edu/perl/webwn.
- [14] Em.wikipedia.org/wiki/Criminology.
- [15] <http://www.nationmaster.com/encyclopedia/Criminology>.
- [16] Richard F. Wetzell, *Inventing the Criminal: A History of German Criminology, 1880-1945*. http://www.history.cooperative.org/journals/lhr/21.3/br_12.html, p.3.
- [17] Larry J. Siegel, *Criminology: Theory, pattern and typologies*, Printed in the United States of America, 2001.
- [18] Frank Schmalleger, *Criminology Today*, New Jersey, 1994.
- [19] Can Ueda, *Tội phạm và tội phạm học ở Nhật Bản hiện đại* (sách do Nguyễn Xuân Yêm và Hồ Trọng Ngũ biên dịch), NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1994.
- [20] A.I. Dolgovoi và đồng nghiệp, *Tội phạm học*, Matxcova, 1997.
- [21] Đào Trí Úc, *Tình hình nghiên cứu tội phạm học ở Việt Nam hiện nay*, Trong sách: *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tập thể tác giả do PGS.TS. Luật sư Phạm Hồng Hải chủ biên, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2000.
- [22] Đỗ Ngọc Quang, *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1999.
- [23] Nguyễn Xuân Yêm, *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2001.
- [24] H.N. Barte, G. Ostaptzeff, *Nhập môn Tội phạm học lâm sàng* (Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp, người dịch Nguyễn Văn Sự), NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2004.
- [25] Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- [26] Thanh Lê, *Xã hội học pháp luật và xã hội học tội phạm*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004.
- [27] Nguyễn Hồng Vinh, *Hoạt động phòng ngừa tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2007.
- [28] *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [29] X.X. A-lếch-xây-ép, *Pháp luật trong cuộc sống của chúng ta* (người dịch: Đồng Ánh Quang, người hiệu đính: Nguyễn Đình Lộc), NXB Pháp lý, Hà Nội, 1986.
- [30] Ban Chỉ đạo thi hành Bộ Luật hình sự năm 1999, *Tài liệu Hội nghị tập huấn chuyên sâu Bộ Luật hình sự năm 1999* (Tài liệu dùng cho Báo cáo viên), Nhà in Bộ Công an, Hà Nội, 2000.
- [31] Nguyễn Chí Dũng (chủ biên), *Một số vấn đề về tội phạm và cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [32] Lê Thế Tiệm, Phạm Tự Phá và tập thể tác giả, *Tội phạm ở Việt Nam - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Đề tài KX 04-14, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1994.
- [33] *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển Bách khoa Hà Nội, Hà Nội, 1999.
- [34] Nguyễn Ngọc Hòa, *Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học*, *Tạp chí Luật học*, số 6 (2007) 31.
- [35] Trịnh Tiến Việt, *Khái niệm, đối tượng nghiên cứu và chức năng của tội phạm học*, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 17 (2007) 5.

Delinquent preventive concept under criminology

Trinh Tien Viet

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

On the basis of research on delinquent concept, and criminology concept, author built up delinquent preventive concept under criminology aspect. In addition, author would like to prove that preventing delinquent is a criminology reasoning's basic component part.